

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-3-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Mơn

2. Ông Trịnh Tài Mon

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Bõ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn X**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông Huỳnh Văn X chung sống với nhau năm 2002 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được khoảng vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 03 đứa con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004; Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Huỳnh Văn X.

- Về con: Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 cho ông X nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu về hôn nhân, tài sản và nợ; về con: Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004, Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 giao cho ông X trực tiếp nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn X vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể

nếu không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn X; về con, giao Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con cùng ông X sau khi vợ chồng ly hôn; tài sản chung và về nợ chung, không có, không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông Huỳnh Văn X hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn ông X vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Huỳnh Văn X, nhưng bị đơn ông X vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông X, nhưng bị đơn ông X vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn X chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001). Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà T và cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà T có yêu cầu ly hôn thì theo

quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Theo bà T, vợ chồng có 03 con chung tên tên Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004; Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010. Khi ly hôn, giao Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con cùng ông X sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004 và Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho ông X, nhưng ông X vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của bà T nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ bằng cách lấy lời khai của cháu Huỳnh Minh K để xem ý kiến của cháu như thế nào. Tuy nhiên, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được đối với cháu Huỳnh Minh K, vì hiện tại cháu K không có ở địa phương (bút lục số 37). Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy, cần giao cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, do ông X không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông X sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/4/2004 và Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 08/9/2006 đã trưởng thành, các đương sự không có tranh chấp, yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo bà T, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà T về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông X biết, nhưng đến nay ông X không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà T và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà T, ông X) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Văn X.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Minh K, sinh ngày 03/4/2010 cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con cùng ông X sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyenx Thị T1 có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà T1 phải chịu **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002409 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh